

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

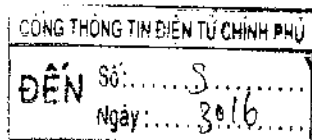
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **24** /2014/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 20 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động Cộng tác viên kiểm tra
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 175/TTr-STP ngày 16 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận Cộng tác viên kiểm tra văn bản theo Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- UBND TTQVN tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Báo Bình Thuận; Đài PTTH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NCPC.Thuận (60)

**FM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Tiến Phương

QUY CHẾ

**Hoạt động Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2014/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định điều kiện, tiêu chuẩn và nguyên tắc hoạt động của cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là cộng tác viên); hợp đồng cộng tác thực hiện công tác kiểm tra văn bản; quyền, nghĩa vụ, phạm vi và kinh phí hoạt động của cộng tác viên; trách nhiệm của cơ quan kiểm tra văn bản và cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động của cộng tác viên trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định trong Quy chế này bao gồm: Cơ quan kiểm tra văn bản; cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động của cộng tác viên và cá nhân tham gia vào đội ngũ cộng tác viên.

Điều 2. Cơ quan kiểm tra văn bản

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Cộng tác viên

1. Cộng tác viên là các chuyên gia, chuyên viên tự nguyện, có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và kiểm tra văn bản phù hợp với lĩnh vực văn bản kiểm tra được Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp ký hợp đồng cộng tác. Cộng tác viên bao gồm: cộng tác viên cấp tỉnh và cộng tác viên cấp huyện.

2. Cộng tác viên giúp Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với các văn bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành, nhằm phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ, đính chính, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở địa phương.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn cộng tác viên

1. Tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Luật hoặc chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực văn bản cần kiểm tra.
2. Có thời gian công tác trong lĩnh vực chuyên môn từ 03 năm trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm làm công tác liên quan đến lĩnh vực xây dựng và kiểm tra văn bản.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của cộng tác viên

1. Cộng tác viên hoạt động trên cơ sở ký hợp đồng cộng tác, theo cơ chế khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp. Chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ và thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản.
2. Việc kiểm tra văn bản, xử lý văn bản trái pháp luật được tiến hành kịp thời, khách quan và công khai, minh bạch; đảm bảo tính chính xác, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Nghiêm cấm lợi dụng việc kiểm tra văn bản vì mục đích vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan, người có văn bản được kiểm tra và can thiệp vào quá trình xử lý văn bản trái pháp luật.

Điều 6. Nội dung kiểm tra văn bản

Nội dung kiểm tra văn bản là việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các nội dung được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và theo các điều kiện quy định tại điều 3, Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ.

Chương II KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 7. Ký kết hợp đồng cộng tác

1. Đối với cán bộ, công chức đang công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước thì Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp ký kết hợp đồng cộng tác thực hiện kiểm tra văn bản với cộng tác viên và cộng tác viên phải được cơ quan, tổ chức nơi công tác giới thiệu.
2. Căn cứ nhu cầu công tác kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp chủ động ký kết hợp đồng cộng tác với các chuyên gia, nhà khoa học... có đủ điều kiện tham gia hoạt động kiểm tra văn bản theo cơ chế cộng tác viên.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng cộng tác

Hợp đồng cộng tác thực hiện kiểm tra văn bản chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Hết thời hạn cộng tác theo hợp đồng ký kết.

2. Cộng tác viên có đơn đề nghị Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chấm dứt hợp đồng cộng tác.

3. Cộng tác viên vi phạm nguyên tắc hoạt động và nghĩa vụ của cộng tác viên quy định tại Điều 5 và Điều 10 của Quy chế này.

4. Cộng tác viên không thực hiện kiểm tra văn bản trong thời gian ký hợp đồng cộng tác theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản mà không có lý do chính đáng.

5. Cộng tác viên đã nghỉ việc, nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 9. Quyền của cộng tác viên

1. Được phân công thực hiện công việc kiểm tra văn bản phù hợp với lĩnh vực văn bản kiểm tra thể hiện trong hợp đồng cộng tác đã ký kết với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

2. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp văn bản, tài liệu và các thông tin cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật.

3. Được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng kiểm tra văn bản.

4. Được hưởng chế độ đối với cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định của Liên bộ Tài chính và Tư pháp.

5. Được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật khi có thành tích trong công tác kiểm tra văn bản.

Điều 10. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp và trước pháp luật về kết quả công việc kiểm tra văn bản do mình thực hiện.

2. Chịu trách nhiệm về kết luận kiểm tra, xử lý của mình; nếu quyết định xử lý trái pháp luật thì phải khắc phục hậu quả pháp lý do quyết định đó gây ra.

3. Thực hiện công việc kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và hợp đồng cộng tác đã ký kết với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động theo quy định tại Quy chế này.

4. Giữ bí mật công tác, bí mật nhà nước. Báo cáo định kỳ và đột xuất về kết quả thực hiện kiểm tra văn bản theo yêu cầu của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp về việc thay đổi nội công tác.

Chương III

PHẠM VI VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 11. Phạm vi hoạt động của cộng tác viên cấp tỉnh

1. Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền tại cấp tỉnh ban hành.

2. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền tại cấp huyện ban hành.

Điều 12. Phạm vi hoạt động của cộng tác viên cấp huyện

1. Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền tại cấp huyện ban hành.

2. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền tại cấp xã ban hành.

Điều 13. Kinh phí hoạt động của cộng tác viên

1. Kinh phí chi cho hoạt động của cộng tác viên do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm thuộc nội dung chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp theo phân cấp quản lý ngân sách. Mức chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 của UBND tỉnh về việc quy định mức chi đảm bảo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

2. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của cộng tác viên thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra văn bản

Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp có trách nhiệm :

1. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng tác viên thực hiện công việc kiểm tra văn bản và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc xây dựng và quản lý đội ngũ cộng tác viên của cấp mình.

2. Căn cứ vào thực tế của công tác kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành, quyết định quy mô đội ngũ cộng tác viên của cấp mình, ký hợp

đồng cộng tác; được sử dụng kết quả kiểm tra văn bản của cộng tác viên theo yêu cầu công việc; thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi cho cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị cấp có thẩm quyền kịp thời khen thưởng cộng tác viên có thành tích trong công tác kiểm tra văn bản của địa phương.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động của cộng tác viên

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giới thiệu người của đơn vị mình hội đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia làm cộng tác viên; hỗ trợ và tạo điều kiện cho cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn việc lập dự toán, cấp phát, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho hoạt động của cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Trường phòng Tư pháp và các đơn vị có liên quan ở địa phương triển khai thực hiện Quy chế; đảm bảo kinh phí cho hoạt động của cộng tác viên theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /*đ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Lê Tiến Phương